

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI XÂY DỰNG ĐỒNG TÂM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 2400893633

3. Ngày thành lập: 26/08/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Lô số 18-N04, Khu dân cư đường Nguyễn Thê Nho, Thị trấn Bích Động, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Điện thoại: 0392000779

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
5.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
6.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
7.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
8.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
9.	Sản xuất đường	1072
10.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
11.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
12.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
13.	Sản xuất chè	1076
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
16.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
17.	Sản xuất sợi	1311
18.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
19.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
20.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
21.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
22.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
23.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394

24.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
25.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
26.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
27.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
28.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
29.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
30.	Sản xuất giày, dép	1520
31.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
32.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
33.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
34.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
36.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
37.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
38.	In ấn	1811
39.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
40.	Sao chép bản ghi các loại	1820
41.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
42.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
43.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
44.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
45.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
46.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
47.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
48.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
49.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
50.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
51.	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
52.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
53.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
54.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
55.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
56.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
57.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

58.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
59.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
60.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
61.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
62.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
63.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
64.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
65.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
66.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
67.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
68.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
69.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
70.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
71.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
72.	Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống	3520
73.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
74.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
75.	Xây dựng nhà không để ở	4102
76.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
77.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
78.	Xây dựng công trình điện	4221
79.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
80.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
81.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
82.	Xây dựng công trình thủy	4291
83.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
84.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
85.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
86.	Phá dỡ	4311
87.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
88.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
89.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
90.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
91.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
92.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
93.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511

94.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
95.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
96.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
97.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
98.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
99.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
100.	Bán buôn thực phẩm	4632
101.	Bán buôn đồ uống	4633
102.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
103.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
104.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
105.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
106.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
107.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
108.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
109.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
110.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
111.	Bán buôn tổng hợp	4690
112.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
113.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
114.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
115.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
116.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
117.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
118.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
119.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
120.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
121.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
122.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
123.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
124.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
125.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933

126.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
127.	Bốc xếp hàng hóa	5224
128.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
129.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
130.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
131.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
132.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
133.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653

6. Vốn điều lệ: 18.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	PHẠM VĂN TRUNG	Thôn Bình Dương, Xã Ngọc Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	9.000.000.000	50,000	121539778	
2	NGUYỄN VĂN DŨNG	Thôn Dục Quang, Thị trấn Bích Động, Huyện Việt Yên, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam	9.000.000.000	50,000	121568613	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM VĂN TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 19/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 121539778

Ngày cấp: 09/11/2018

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Giang

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Bình Dương, Xã Ngọc Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Lô số 18-N04, Khu dân cư đường Nguyễn Thế Nho, Xã Ngọc Sơn, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Giang